

Bản án số: 222/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 20/5/2022

V/v: *Ly hôn, nuôi con*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯƠNG MỸ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Tưởng Ngọc T**

Các Hội thẩm nhân dân: **Ông Trần Trung A**

Bà Nguyễn Thị H

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị T - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị M - Kiểm sát viên

Ngày 20 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 88/2022/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2022 về “*Ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 30/2022/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên Đơn: Anh **Đỗ Kế N**, sinh năm 1977 (Có đơn xét xử vắng mặt)

- Bị đơn: Chị **Trịnh Thị V**, sinh năm 1981 (Vắng mặt)

Đều trú tại: thôn T, xã Thanh B, huyện Chương Mỹ, Hà Nội.

NHẬN THẤY:

1. Trong đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn anh **Đỗ Kế N trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Anh N và chị V tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn ngày 02/5/2000 tại UBND xã T, huyện Chương Mỹ, Hà Nội. Quá trình chung sống, vợ chồng chung sống đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vấn đề kinh tế nên chị V bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống sau đó bỏ sang Đài Loan làm ăn rồi lại về nhà được một thời gian lại bỏ đi. Vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay. Nay anh N đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn với chị V.

- Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có 02 con chung là Đỗ Thị H, sinh năm 2002; Đỗ Thị T, sinh năm 2009. Hiện tại, cháu H đã trưởng thành và không bị nhược điểm về thể chất và tinh thần nên không đề nghị xem xét. Cháu T đang ở với ông bà ngoại. Nguyên vọng của anh N là xin nuôi cháu T, không yêu cầu cấp dưỡng.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Đối với bị đơn chị Trịnh Thị V: Sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị Vân tại nơi đăng ký hộ khẩu thường trú theo đúng quy định nhưng chị V không thực hiện quyền, nghĩa vụ của bị đơn, không cung cấp chứng cứ và trình bày quan điểm của bị đơn theo quy định.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 07/3/2022 và ngày 23/3/2022 của Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ với bà Lưu Thị K là mẹ đẻ chị V trình bày: Hiện nay chị Trịnh Thị V có hộ khẩu thường trú tại thôn T, xã T, huyện Chương Mỹ. Chị V và anh N kết hôn năm 2000 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Chương Mỹ. Quá trình chung sống vợ chồng có mâu thuẫn gì thì bà không nắm được. Chị V đang ở bên Đài Loan, hiện tại chị V đang ở đâu gia đình bà không nắm được nhưng vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình. Nay anh N nộp đơn xin ly hôn, quan điểm của gia đình là tùy vợ chồng N – V quyết định, bà không can thiệp. Về con chung: Vợ chồng N - V có 02 con chung là Đỗ Thị H, sinh năm 2002; Đỗ Thị T, sinh năm 2009, hiện cả hai cháu đang ở với ông bà ngoại. Bà K không khai gì thêm.

3. Ý kiến của đương sự tại phiên tòa:

- Anh N có đơn xin xét xử vắng mặt nên không ghi nhận ý kiến.
- Chị V vắng mặt nên không có ý kiến.

4. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với Bị đơn chưa chấp hành quyền, nghĩa vụ của Bị đơn theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào ý kiến, quan điểm của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ do Tòa án thu thập. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn và xử cho anh Đỗ Kế N được ly hôn chị Trịnh Thị V. Về con chung: Giao con chung là cháu Đỗ Thị T, sinh năm 2009 cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng; tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với chị V. Cháu Đỗ Thị H đã trưởng thành nên không xem xét. Về tài sản chung, công nợ chung:

Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn chị Trịnh Thị V có hộ khẩu thường trú tại xã T, huyện Chương Mỹ, Tp. Hà Nội. Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Nguyên đơn anh Đỗ Kế N chỉ cung cấp được địa chỉ cư trú cuối cùng ở Việt Nam mà không cung cấp được địa chỉ của chị V ở nước ngoài. Quá trình giải quyết vụ án, thông qua đại diện thân nhân của chị V là bà Lưu Thị K có đủ căn cứ xác định chị V vẫn liên hệ với gia đình nhưng gia đình không biết và cũng không cung cấp được địa chỉ của chị V và chị V cũng không có lời khai bằng văn bản gửi về cho Tòa án. Tòa án đã yêu cầu đến lần thứ hai nhưng bà K cũng vẫn không cung cấp địa chỉ của chị V ở nước ngoài. Do vậy, căn cứ công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao về việc giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ. Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Đỗ Kế N và chị Trịnh Thị V kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tuân thủ điều kiện kết hôn, có đăng ký kết hôn ngày 02/5/2000 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Chương Mỹ, Tp. Hà Nội nên hôn nhân giữa anh N và chị V là hôn nhân hợp pháp. Trên cơ sở lời khai của anh N, kết quả thu thập chứng cứ về tình trạng hôn nhân cho thấy: Trong quá trình chung sống theo anh N khai giữa anh N và chị V bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn được, vợ chồng đã sống ly thân mỗi người một nơi từ năm 2014 đến nay. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa anh N và chị V đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Yêu cầu của anh N xin ly hôn chị V là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

2.2. Về con chung: Anh N và chị V có 02 con chung là Đỗ Thị H, sinh năm 2002; Đỗ Thị T, sinh năm 2009.

Xét việc xin nuôi con chung thì thấy: Hiện tại cháu H đã trưởng thành, không bị nhược điểm về thể chất và tinh thần nên không xem xét. Cháu Đỗ Thị T, sinh năm 2009 đang ở với ông bà ngoại, nguyện vọng của cháu T là muốn ở cùng cả bố và mẹ nên cần giao cháu T cho anh N chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác là phù hợp với quy định tại Điều 81

của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Chị V có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

2.3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho chị V đến khi con chung trưởng thành hoặc có sự thay đổi khác.

2.4. Về tài sản chung, công nợ chung: Chị V không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

2.5. Về án phí: Chị V phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Xử:

1.Về hôn nhân: Anh Đỗ Kế N được ly hôn chị Trịnh Thị V.

2.Về con chung: Xác nhận anh Năng và chị Vân có 02 con chung là cháu Đỗ Thị H, sinh năm 2002; Đỗ Thị T, sinh năm 2009. Giao cháu Đỗ Thị T cho anh Đỗ Kế N chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Cháu Đỗ Thị H đã trưởng thành nên không xem xét.

Chị V có quyền, nghĩa vụ đi lại, thăm nom con chung, không ai được cản trở

3.Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho chị V đến khi con chung trưởng thành hoặc có sự thay đổi khác.

4.Về tài sản chung, công nợ chung: Anh N, chị V không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

5.Về án phí: Anh Đỗ Kế N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về phân ly hôn. Đối trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2020/0075708 ngày 02/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chương Mỹ, Tp. Hà Nội.

Án xử công khai sơ thẩm. Anh Đỗ Kế N và chị Trịnh Thị V có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- TAND Tp. Hà Nội;
- VKSND huyện Chương Mỹ;
- Chi cục THADS huyện Chương Mỹ;
- UBND xã T, huyện Chương Mỹ, Tp. Hà Nội (Trường hợp án có HLPL);
- Lưu HSVA – VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tưởng Ngọc T